|  |  |
| --- | --- |
|  | **Mẫu 01b/CCGT** |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | | http://bidvportal.vn/Accounting/GetImages.aspx?File_ID=2262022_92229177_BIDV.png | **ĐỀ NGHỊ KIÊM HỢP ĐỒNG CẤP HẠN MỨC THẤU CHI VÀ CẦM CỐ TÀI SẢN**  (Áp dụng đối với khách hàng cá nhân vay cầm cố GTCG/TTK theo phương thức cấp hạn mức thấu chi) | **Số Hợp đồng:**  **AA/BB/CC/HĐTD** |   **Kính gửi: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh…….**  **(Ngân hàng)**  *(Khách hàng đánh dấu “🗸” vào các ô lựa chọn)*  **I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG, NHU CẦU VAY VỐN VÀ CÁC NỘI DUNG LIÊN QUAN:**  **1. Thông tin khách hàng vay vốn:**  - Họ và tên: .................................. *(****sau đây gọi là “Bên vay”****)*  - CMND/Thẻ căn cước/Hộ chiếu số: .................. ngày cấp: ..../..../..... nơi cấp: ......  - Địa chỉ nơi cư trú: ..................................................... Điện thoại:..................................  - Tài khoản tiền gửi đồng Việt Nam số ...........…tại Ngân hàng.  **2. Tình hình thu nhập của Bên vay trong thời gian vay vốn (thông tin do khách hàng tự kê khai):**  - Thu nhập từ lương/thưởng: …………  - Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh: ………..  - Thu nhập từ các nguồn khác: ………………  **3. Hạn mức thấu chi đề nghị:**  **- Trị giá hạn mức:** .............VNĐ *(Bằng chữ: .............................................).*  **- Thời hạn duy trì hạn mức:**  ........... ngày/tháng.  **4. Mục đích:** *(lựa chọn mục đích phù hợp trong số mục đích nêu)*  Tiêu dùng, sinh hoạt của cá nhân và gia đình; Sản xuất kinh doanh; Hoạt động khác  **5. Phương thức sử dụng hạn mức thấu chi:** Bên vaysử dụng hạn mức thấu chi để thực hiện dịch vụ thanh toán trên tài khoản thanh toán tại BIDV.  **6. Phương án trả nợ:**  **Nguồn trả nợ:**  - Từ nguồn thu nhập của khách hàng/nguồn khác.  - Từ tất toán tài sản cầm cố (trường hợp khoản vay đến hạn mà khách hàng không trả bằng nguồn thu nhập/nguồn khác).  **Phương thức trả nợ:**  □ Nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản; □ Tất toán tài khoản tài sản cầm cố để thu nợ;  □ Ngân hàng tự động trích nợ từ tài khoản số............ của bên vay tại Chi nhánh:  **7. Tài sản cầm cố**:  ☐ Thuộc sở hữu Bên vay; ☐ Thuộc sở hữu Bên vay và có đồng chủ sở hữu cùng đứng tên trên tài sản cầm cố; ☐ Thuộc sở hữu của Bên thứ ba (sau đây gọi bên thứ ba là bên bảo đảm)  Thông tin của Đồng chủ sở hữu cùng đứng tên trên tài sản cầm cố/Bên bảo đảm (nếu có):  - Họ và tên:  - Số CMND/ Thẻ căn cước/Hộ chiếu: Ngày cấp: Nơi cấp:  - Địa chỉ: Điện thoại:   |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | STT | Loại | Số seri | Mệnh giá | Kỳ hạn | Ngày đến hạn | Đơn vị phát hành | | 1 |  |  |  |  |  |  | | ... |  |  |  |  |  |  |   *Bên vay (và Đồng chủ sở hữu cùng đứng tên trên tài sản cầm cố/Bên bảo đảm)* **[[1]](#footnote-1)** *cam kết tài sản cầm cố thuộc sở hữu hợp pháp của cá nhân Bên vay (và cá nhân Đồng chủ sở hữu có tên trên tài sản cầm cố/Bên bảo đảm), không có tranh chấp và đang không dùng để bảo đảm cho bất kỳ một nghĩa vụ trả nợ nào khác và Bên vay (và Đồng chủ sở hữu cùng đứng tên trên tài sản cầm cố/Bên bảo đảm) có toàn quyền sử dụng tài sản để cầm cố bảo đảm khoản vay tại Ngân hàng.*  **8. Cam kết của bên vay và đồng chủ sở hữu cùng đứng tên trên tài sản cầm cố/Bên bảo đảm:**  8.1. Các nội dung, thông tin về bên vay, bên đồng chủ sở hữu cùng đứng tên trên tài sản cầm cố/Bên bảo đảm tại Hợp đồng này là đúng sự thật. Nếu sai, Bên vay/Bên bảo đảm phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.  8.2. Nếu không đủ điều kiện cấp hạn mức theo theo đề nghị tại Mục I trên đây, Bên vay đồng ý vay vốn theo phê duyệt cuối cùng của Ngân hàng. Đề nghị cấp hạn mức thấu chi kiêm Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi và cầm cố tài sản này sau khi được Ngân hàng phê duyệt, đương nhiên trở thành Hợp đồng tín dụng và cầm cố tài sản, có giá trị ràng buộc quyền và nghĩa vụ của các Bên.  8.3. Ngân hàng được toàn quyền phong toả tài khoản và giữ toàn bộ bản gốc tài sản cầm cố tại mục 7 trên đây để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi và phí (nếu có) theo Hợp đồng này. Ngân hàng có nghĩa vụ giữ, bảo quản và giao lại cho Bên vay toàn bộ tài sản cầm cố sau khi Bên vay thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này.  8.4. Nếu GTCG/TTK cầm cố có “phương thức thanh toán lãi và gốc khi đáo hạn vào tài khoản tiền gửi thanh toán của Bên vay”, cùng với việc ký Hợp đồng này Bên vay đồng ý chuyển phương thức thanh toán gốc và lãi của GTCG/TTK khi đáo hạn sang “phương thức gốc quay vòng và phương thức thanh toán lãi nhập gốc/nhận bằng tiền mặt/trả vào tài khoản của khách hàng[[2]](#footnote-2)”.  9. Các tài liệu kèm theo:  ☐ Bản photo CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu của Bên vay (và Đồng chủ sở hữu/Bên bảo đảm).  ☐ Bản gốc Giấy tờ có giá/Thẻ tiết kiệm theo liệt kê tại điểm 7 Mục I.  II. PHẦN XÉT DUYỆT CỦA NGÂN HÀNG:   1. **Trị giá hạn mức:** ………………..VNĐ. Bằng chữ: ………………………………………… 2. **Thời hạn duy trì hạn mức:**........tháng kể từ ngày ký Hợp đồng này đến ngày …/…/…. 3. **Lãi suất, Phí[[3]](#footnote-3):** Lãi suất áp dụng đối với cho vay theo hạn mức thấu chi tại thời điểm ký Hợp đồng tín dụng là:   a) Lãi suất cho vay trong hạn: *(ghi nội dung tương ứng)*……………………………………….  b) Lãi suất nợ quá hạn (áp dụng đối với nợ gốc quá hạn):  - Lãi suất quá hạn là: .......% lãi suất trong hạn *(lãi suất vay đã được điều chỉnh nếu có)* nêu tại Điểm a Khoản này tại thời điểm chuyển nợ quá hạn**[[4]](#footnote-4).**  - Lãi chậm trả (áp dụng với số tiền lãi chậm trả):….**[[5]](#footnote-5)**.  c) Phí *(Chi nhánh ghi nội dung tương ứng các loại phí thu của khách hàng)*:  - Phí trả nợ trước hạn: ………………………  - Phí cam kết rút vốn: ……………………………  - Phí khác (nếu có): ………………………………..  - Phạt vi phạm:Trường hợp Bên vay không thực hiện đúng các nội dung thỏa thuận theo Hợp đồng này và bản Điều khoản và điều kiện cho vay, Bên vay phải chịu phạt vi phạm theo mức bằng …%[[6]](#footnote-6) tính trên giá trị nợ gốc khoản vay tại thời điểm vi phạm. Điều khoản phạt vi phạm này không áp dụng đối với trường hợp Bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc/lãi vốn vay.  4. Số tài khoản cấp hạn mức thấu chi: …………………………………………………….  **III. TÍNH THỐNG NHẤT CỦA HỢP ĐỒNG, LUẬT ÁP DỤNG, GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP, HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG**  **1. Tính thống nhất với các điều kiện, điều khoản cấp và sử dụng hạn mức thấu chi :**  Các nội dung tại Điều kiện, điều khoản cấp và sử dụng hạn mức thấu chi cầm cố GTCG/TTK do Ngân hàng phát hành kèm theo Hợp đồng này là một bộ phận không tách rời của Hợp đồng. Bên vay đã đọc, hiểu và chấp thuận tuân thủ đầy đủ các nội dung tại bản Điều kiện và điều khoản vay, tại các quy định của Pháp luật cũng như các sửa đổi, bổ sung, thay thế. Bên vay đồng ý Ngân hàng được sửa đổi, bổ sung, thay thế bản Điều kiện, điều khoản vay và thông báo bằng văn bản hoặc trên phương tiện thông tin đại chúng, trên website của Ngân hàng hoặc tại điểm giao dịch của Ngân hàng.  **2. Luật áp dụng, giải quyết tranh chấp**  Hợp đồng này được lập và điều chỉnh theo pháp luật Việt Nam.  Mọi tranh chấp phát sinh trong quá trình vay vốn được giải quyết trên cơ sở thương lượng bình đẳng giữa hai bên. Trường hợp không thương lượng được, các bên có quyền khởi kiện để bảo vệ quyền lợi của mình. Hai bên thống nhất Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp là Tòa án nhân dân ...... (**[[7]](#footnote-7)**).  **3. Hiệu lực của Hợp đồng**  a. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày Ngân hàng ký phê duyệt dưới đây và kết thúc khi Bên vay trả nợ xong cả gốc, lãi và phí (nếu có) của toàn bộ những khoản vay đã phát sinh từ Hợp đồng này, khi đó Hợp đồng này coi như được thanh lý.  b. Các văn bản, tài liệu liên quan đến Hợp đồng này là bộ phận kèm theo có giá trị pháp lý theo Hợp đồng.  c. Việc sửa đổi, bổ sung các nội dung tại Hợp đồng này phải được cả hai bên thoả thuận bằng văn bản (Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng) do đại diện có thẩm quyền của hai bên ký, trừ trường hợp thay đổi lãi suất theo định kỳ (Ngân hàng sẽ có thông báo bằng văn bản cho Bên vay). Những sửa đổi, bổ sung đó có hiệu lực thay thế, bổ sung các nội dung tương ứng trong Hợp đồng này.  d. Trong trường hợp do có sự thay đổi về luật pháp, quy định hiện hành làm cho một hoặc một số nội dung quy định tại Hợp đồng này không thực hiện được hoặc vô hiệu thì Hợp đồng này vẫn có hiệu lực đối với những nội dung còn lại. Ngân hàng và Bên vay sẽ cùng xem xét, sửa đổi, bổ sung những nội dung không thực hiện được hoặc vô hiệu cho phù hợp.  e. Hợp đồng này và bản Điều khoản và điều kiện vay được lập thành 03 bản gốc(**[[8]](#footnote-8)**), có giá trị pháp lý như nhau: Ngân hàng giữ 02 bản, Bên vay giữ 01 bản. Các bên xác nhận rằng đã đọc và thống nhất toàn bộ nội dung Hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện vay, cùng ký Hợp đồng làm căn cứ thực hiện.  f. Bên vay sẽ có mặt tại địa chỉ nêu tại phần các bên tham gia Hợp đồng tín dụng hoặc địa chỉ khác được thông báo cho Ngân hàng để nhận các thông tin thực hiện và giải quyết tranh chấp Hợp đồng. Trường hợp Bên vay không có mặt tại địa chỉ này liên tục ba mươi (30) ngày và không thông báo địa chỉ mới cho Ngân hàng thì Bên vay được coi là giấu địa chỉ, cố tình trốn tránh nghĩa vụ thực hiện (bao gồm cả nghĩa vụ trả nợ) Hợp đồng. Khi đó, Ngân hàng được quyền khởi kiện và đề nghị Toà án có thẩm quyền thụ lý vụ án theo thủ tục chung và xét xử vắng mặt Bên vay mà không cần tiến hành bất kỳ thủ tục pháp lý nào khác.  **IV. CHỮ KÝ XÁC NHẬN:**  **KHÁCH HÀNG**  *Xác nhận trước khi ký Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng tín dụng và cầm cố tài sản này, Bên vay và đồng chủ sở hữu cùng đứng tên trên tài sản cầm cố/Bên bảo đảm đã nhận được đầy đủ thông tin về lãi suất cho vay, lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn, lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả, phương pháp tính lãi tiền vay, loại phí và mức phí áp dụng đối với khoản vay, các tiêu chí xác định khách hàng vay vốn theo lãi suất cho vay và các thông tin khác có liên quan đến toàn bộ nội dung Hợp đồng này.*  *Xác nhận trước khi ký Hợp đồng này, Bên vay và đồng chủ sở hữu cùng đứng tên trên tài sản cầm cố/Bên bảo đảm đã được Ngân hàng cung cấp đầy đủ thông tin về Hợp đồng theo mẫu, điều khoản và điều kiện cho vay.*  *……….., ngày……tháng……năm…….*  **Bên bảo đảm**(**[[9]](#footnote-9)**)**/Đồng chủ sở hữu Bên vay**  *(ký, ghi rõ họ tên) (ký, ghi rõ họ tên)*  **NGÂN HÀNG**  Cán bộ QLKHCN đã nhận đủ hồ sơ của khách hàng theo điểm 9 Mục I trên đây và Ngân hàng xác nhận cho khách hàng vay theo các nội dung phê duyệt tại mục II.   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | *……, ngày ….. tháng…… năm ……*  **ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG**  **(1) Áp dụng với khoản vay trong thẩm quyền phán quyết TD của Chi nhánh:** | | | | | | **CBQLKHCN**  *(ký, họ tên)* | **LĐ PKHCN/LĐ PGD**  *(ký, họ tên, đóng dấu)* (**[[10]](#footnote-10)**) | **LĐCN phụ trách KHCN**  (t/hợp khoản vay vượt thẩm quyền của LĐPKHCN/PGD)  *(ký, họ tên, đóng dấu)* |   **(2) Áp dụng với khoản vay vượt thẩm quyền phán quyết TD của Chi nhánh (thực hiện phê duyệt TD tại Trụ sở chính):**   |  |  | | --- | --- | | **CBQLKHCN LĐPKHCN/PGD LĐPTKHCN**  *Ơ*  *(ký, họ tên) (ký, họ tên) (ký, họ tên, đóng dấu)* | **CBQTTD LĐPQTTD PGĐ PTTN**  *(ký, họ tên) (ký, họ tên) (ký, họ tên)* | | |

1. Trường hợp tài sản cầm cố thuộc sở hữu của Bên vay: chỉ ghi Bên vay

   Trường hợp tài sản cầm cố thuộc sở hữu của Bên vay và có đồng sở hữu cùng đứng tên trên tài sản cầm cố: ghi Bên vay và đồng chủ sở hữu cùng đứng tên trên tài sản cầm cố.

   Trường hợp tài sản cầm cố thuộc sở hữu của Bên thứ ba: ghi Bên bảo đảm

   (các mục ở dưới chi nhánh ghi tương tự) [↑](#footnote-ref-1)
2. Tùy theo thỏa thuận với khách hàng, Chi nhánh ghi phương thức trả lãi phù hợp, trường hợp lãi được tính đảm bảo cho số tiền vay thì bắt buộc phải chọn lãi nhập gốc. [↑](#footnote-ref-2)
3. Lãi suất do hai bên thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật và quy định cụ thể trong hợp đồng này. [↑](#footnote-ref-3)
4. Tối đa 150% lãi suất trong hạn [↑](#footnote-ref-4)
5. Tối đa 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. [↑](#footnote-ref-5)
6. Chi nhánh quyết định mức phạt cụ thể. [↑](#footnote-ref-6)
7. Chi nhánh ghi cụ thể tên Tòa án nơi Chi nhánh đóng trụ sở. [↑](#footnote-ref-7)
8. QTTD giữ 01 bản, 1 bản gửi Kho quỹ, 01 bản gửi khách hàng. Trường hợp tài sản cầm cố vẫn đang giữ tại Ngân hàng và khách hàng vay các lần tiếp theo thì lập thành 02 bản chính (không gửi Kho quỹ). [↑](#footnote-ref-8)
9. Bên bảo đảm và vợ/chồng bên bảo đảm cùng ký tên (trường hợp bên bảo đảm đã kết hôn và không có giấy tờ chứng minh TS cầm cố tại HĐ này là TS riêng của bên bảo đảm). [↑](#footnote-ref-9)
10. Trường hợp khoản vay vượt thẩm quyền của LĐPQLPHCN/PGD thì không cần đóng dấu [↑](#footnote-ref-10)